TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/DSST
Ngày: 31/5/2018
(V/v : Tranh chấp hợp đồng vay tài sản)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HƯ
Với hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***/ Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà :** Ông Đỗ Quang L.

***/ Hội thẩm nhân dân:** Ông Đào Đức T; bà Trần Thị Thu H.

***/ Thư ký ghi biên bản phiên toà:** Ông Bùi Mạnh Q - Cán bộ Toà án.

***/ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Anh T - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố H mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2018/TLST – DSST ngày 02/4/2018 về việc " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo quyết định số 03/QĐST – DS ngày 09/5/2018 giữa:

*** Nguyên đơn: Chị Cao Thị M** – sinh năm 1964 - Có mặt tại phiên Tòa
HKTT: Số 180, đường N, phường L, thành phố H, tỉnh H.

*** Bị đơn**: **Chị Cao Thị T** - Sinh năm 1969 - Có mặt tại phiên Tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**:
- Anh Đồng Văn Q – Sinh năm 1964 - Có mặt tại phiên Tòa
- Đều HKTT: Đội 8, thôn Đ, xã T, thành phố H, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên Tòa, thì nội dung vụ kiện được tóm tắt như sau: Chị Cao Thị M và chị Cao Thị T có quan hệ họ hàng với nhau. Vào ngày 24/4/2013 vợ chồng chị Cao Thị T đi xe ô tô đến nhà chị hỏi vay tiền để làm long nhãn và đầu tư vào tầu hút cát. Chị đã hẹn hôm sau cho vay và ngày hôm sau 25/4/2013 chị mang tiền đến nhà vợ chồng chị T ở Đ, T đưa cho vay 400.000.000đ. Hai bên có viết giấy vay nhận nợ cả hai vợ chồng chị T, anh Q đều ký vào. Khoản vay này chị T và anh Q đã trả sòng phẳng và ngày 01/6/2013 chị T một mình đến nhà chị M hỏi vay tiền, chị M đã cho vay 140.000.000đ , hai bên viết giấy biên nhận tiền và cùng nhau ký vào. Sau đó chị T cũng trả cho chị M đầy đủ số tiền này.

Ngày 25/9/2013, một mình chị T đến nhà chị M hỏi vay tiền để làm long nhãn và đầu tư vào tầu hút cát. Chị đồng ý cho chị T vay 400.000.000đ, hai bên đã lập giấy vay nợ và chị T, chị M cùng ký vào giấy vay nợ. Trong giấy vay nợ không hẹn ngày trả và hai bên thỏa thuẫn bằng miệng lãi suất là 1500đ/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 05/02/2014 vợ chồng chị T đã trả cho chị M 100.000.000đ, còn nợ lại 300.000.000đ từ ngày vay cho tới nay chưa trả và mới trả lãi từ ngày 20/10/2015 đến ngày 06/12/2017 được 30.000.000đ.

Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng chị T phải trả cho chị 300.000.000đ tiền gốc và lãi suất, tính từ ngày 01/10/2015 cho tới ngày xét xử sơ thẩm, trừ những ngày lẻ chị không tính. Chị chỉ lấy lãi là 1%/ 1 tháng. Nếu chị T trả ngay tiền gốc thì chị sẽ cho tiền lãi.

Chị Cao Thị T thừa nhận đúng như chị M trình bầy ở trên và nhất trí với yêu cầu trên của chị M. Nhưng chị xin khất không thể trả ngay tiền chị M được vì hiện tại chị đang vỡ nợ. Riêng việc vay nợ này chồng chị là anh Đồng Văn Q không biết và không có liên quan gì cả mà do chị một mình đi vay nên chị xin chịu trách nhiệm.

- Anh Bùi Đức H chồng chị M trình bầy: Việc vay nợ giữa vợ anh là chị M với chị T thế nào và tiền ở đâu cho vay anh không biết và cũng không có liên quan gì cả, nên anh từ chối tham gia tố tụng.

- Anh Đồng Văn Q chồng chị T trình bầy: Năm 2013 duy nhất anh và vợ anh có vay của chị M 400.000.000đ vào ngày 25/4/2013 cả hai vợ chồng cùng ký vào giấy vay nợ. Sau đó vợ chồng anh đã trả hết số tiền này cho chị M. Ngoài ra anh không cùng vợ vay đồng nào của chị M nữa. Nay chị M khởi kiện yêu cầu anh cùng vợ anh là chị T phải trả 300.000.000đ tiền gốc và lãi thì anh không nhất trí vì vợ anh là chị T ngày 25/9/2013 vay của chị M 400.000.000đ và đã trả được 100.000.000đ còn nợ 300.000.000đ thế nào thì anh không biết nên anh không liên quan. Vợ anh là chị T tự đi vay để làm gì thì phải có trách nhiệm trả cho chị M.

Tại phiên toà hôm nay: Chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc vợ chồng chị T anh Q phải trả cho chị tiền gốc là 300.000.000đ và lãi suất là 1%/ tháng tính từ ngày vay 01/10/2015 cho tới ngày xét xử sơ thẩm, được trừ đi 30.000.000đ tiền lãi mà chị T đã trả. Tính tròn tháng còn những ngày lẻ chị cho không yêu cầu.

- Bị đơn chị T trình bầy: Nhất trí với ý kiến trên của chị M sẽ trả gốc và lãi như chị M yêu cầu. Riêng việc yêu cầu anh Q chồng chị phải cùng chị trả nợ thì chị không nhất trí vì ngày 25/9/2013 chị đi một mình vay của chị M 400.000.000đ để dùng vào việc riêng, chồng chị là anh Q không biết. Chị đã trả cho chị M được 100.000.000đ còn nợ 300.000.000đ chị xin khất trả dần, chứ không thể trả ngay theo yêu cầu của chị M được.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên anh Q trình bầy: Việc vay nợ giữa chị M và chị T vợ anh thế nào anh không biết, ai vay thì người đó phải chịu trách nhiệm anh không liên quan gì cả.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều chấp hành đúng theo quy định của bộ luật tố tụng và của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án:

TAND thành phố H đã thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của BLTTDS.

Căn cứ vào các Điều 26; 147 của BLTTDS năm 2015; điều 146, khoản 2 điều 357; 463; 466; 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 45 – LHN và GĐ; Điều 147 – BLTTDS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị M.

Buộc chị Cao Thị T phải trả cho chị CaoThị M tiền gốc và tiền lãi, Tổng cả gốc và lãi là 366.000.000đ.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật và chị Cao Thị M có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp, nếu chị Cao Thị T chậm thi hành trả khoản tiền trên, thì sẽ phải chịu lãi suất theo quy định tại điều 357 và Điều 468 – BLDS, tương ứng với thời gian chậm thi hành.

Bác một phần yêu cầu khởi kiện của chị M. Anh Q không phải thực hiện nghĩa vụ cùng chị T trả số nợ trên cho chị M.

- Về án phí:

+ Hoàn trả lại cho chị Cao Thị M 5.000.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2015/0000053 ngày 27/3/2018 của chi cục thi hành án dân sự thành phố H.

+ Buộc chị Cao Thị T phải chịu 18.300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi điều tra nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, lời trình bầy nguyên đơn và bị đơn cùng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, quan điểm của đại diện VKSND thành phố H.

HĐXX xét thấy: Quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

Căn cứ vào lời trình bầy của nguyên đơn chị M, bị đơn chị T đều thừa nhận là chị T vay của chị M 400.000.000đ vào ngày 25/9/2013 hai bên có lập giấy vay nợ và chị T đã trả cho chị M 100.000.000đ, còn nợ 300.000.000đ tiền gốc, lời trình

bầy của các đương sự phù hợp với giấy vay nợ đề ngày 25/9/2013 âm lịch (29/10/2013 dương lịch) có chữ ký của chị M và chị T (BL 05).

Nên đã có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M, buộc chị T phải trả cho chị M 300.000.000đ tiền gốc.

Về tiền lãi: Chị M và chị T thỏa thuận với nhau tính lãi 1%/ tháng, tính từ ngày 01/10/2015 đến ngày xét xử, được trừ 30.000.000đ tiền lãi chi T đã trả, chỉ tính tròn tháng những ngày lẻ thì thôi không tính. HĐXX xét thấy sự thỏa thuận về lãi suất này là phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận. Vậy lãi suất được tính như sau: Từ 01/10/2015 dương lịch tính đến ngày 31/5/2018 là 32 tháng x 300.000.000đ x 1% = 96.000.000đ – 30.000.000đ = 66.000.000. Tổng cả gốc và lãi là 366.000.000đ.

Như vậy buộc chị Cao Thị T phải trả cho chị Cao Thị M tiền gốc và tiền lãi là 366.000.000đ

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật và chị Cao Thị M có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp, nếu chị Cao Thị T chậm thi hành trả khoản tiền trên, thì sẽ phải chịu lãi suất theo quy định tại điều 357 và Điều 468 – BLDS, tương ứng với thời gian chậm thi hành.

Chị M yêu cầu anh Đồng Văn Q phải có trách nhiệm trả nợ cùng chị T là không có căn cứ vì trong giấy vay nợ chỉ có chị T và chị M ký và hai nữa chị T và anh Q không thừa nhận việc anh Q cùng đi vay chị M tiền và chính chị M cũng thừa nhận ngày 25/9/2013 AL chỉ có một mình chị T đến hỏi vay tiền tại nhà chị và hai bên ký giấy vay nợ. Do đó không chấp nhận yêu cầu này của chị M.

- Về án phí trong vụ án: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên hoàn trả lại cho chị Cao Thị M 5.000.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2015/0000053 ngày 27/3/2018 của chi cục thi hành án dân sự thành phố H.

+ Buộc chị Cao Thị T phải chịu như sau: 366.000.000đ x 5% = 18.300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo : Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 26, Điều 147 – BLTTDS; Điều 146, khoản 2 điều 357; 463; 466, 468, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 45 – LHN và GĐ; và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Xử : Buộc chị Cao Thị T phải trả cho chị Cao Thị M tổng tiền gốc và tiền lãi là 366.000.000đ.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật và chị Cao Thị M có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp, nếu chị Cao Thị T chậm thi hành trả khoản tiền trên, thì sẽ phải chịu lãi suất theo quy định tại điều 357 và Điều 468 – BLDS, tương ứng với thời gian chậm thi hành.

Bác một phần yêu cầu khởi kiện của chị M. Anh Q không phải thực hiện nghĩa vụ cùng chị T trả số nợ trên cho chị M.

- Về án phí:

+ Hoàn trả lại cho chị Cao Thị M 5.000.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2015/0000053 ngày 27/3/2018 của chi cục thi hành án dân sự thành phố H.

+ Buộc chị Cao Thị T phải chịu 18.300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, đã báo cho nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa

Đỗ Quang L

Nơi nhận:
- *VKSND thành phố H.*
- *Chi cục THADS T.P H*
- *Phòng kiểm tra và thi hành án TAND tỉnh H*
- *Các đương sự.*
- *Lưu HS.*